

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ
ĐỐI VỚI NHÀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK**

(Kèm theo Công văn số: /STC-QLG&CS ngày /9/2025 của Sở Tài chính)

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)	Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)		
1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà (gồm: nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho các mục đích khác) chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Quyết định này quy định chi tiết điểm b khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP; điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC về giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Quy định của tỉnh Đắk Lắk (cũ) chỉ quy định đối với tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà. Điều này làm cho việc xác định giá trị nhà để tính lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh đang gặp vướng mắc. Do đó, tại dự thảo Quyết định này kế thừa nội dung quy định của UBND tỉnh Phú Yên để xây dựng phạm vi điều chỉnh
2. Đối tượng áp dụng a) Tổ chức, cá nhân đăng ký quyền sở hữu nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức, cá nhân có nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí	Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức, cá nhân có nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí	Nội dung dự thảo kế thừa các quy định trước đây của tỉnh

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)	Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)		
trước bạ theo quy định; b) Cơ quan thuế; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	trước bạ. 2. Cơ quan thuế. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	trước bạ. 2. Cơ quan thuế. 3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.	Đất Lắc và tỉnh Phú Yên (cũ) để xây dựng
Không quy định	Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thực hiện theo quy định tại Bảng đơn giá nhà và công trình xây dựng gắn liền trên đất được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bộ đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên. Trường hợp Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	Điều 3. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng 1. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk (cũ): thực hiện theo quy định tại Bảng đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc được quy định tại Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. 2. Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Phú Yên (trước đây): thực hiện theo quy định tại Bảng đơn giá nhà và công trình xây dựng gắn liền trên đất được quy định tại Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định bộ đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc	Tại Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) không quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng. Từ ngày 16/6/2025 đến nay, việc thực hiện tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh đang không có căn cứ để thực hiện. Việc xác định giá trị nhà và công trình gắn liền với đất hiện nay tại 02 tỉnh đang áp dụng theo quy định tại Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)	Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)		
		trên địa bàn tỉnh Phú Yên. 3. Trường hợp Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	và Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Phú Yên. Vì tình hình kinh tế - xã hội của 02 tỉnh cơ bản có nhiều khác biệt. Sau khi sáp nhập, tỉnh Đắk Lắk (mới) có quy mô lớn, với diện tích rộng 18.096,40 km², với quy mô dân số trên 3,3 triệu người và 102 đơn vị hành chính cấp xã, phường. Do đó, chi phí thực hiện các hàng hóa, dịch vụ cũng sẽ có sự khác nhau giữa các địa bàn của tỉnh. Do đó, để giữ ổn định, đề xuất việc áp dụng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng được áp dụng tương ứng với đơn giá nhà và công

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ																																																																																											
Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)			Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)			Dự thảo Quyết định	Thuyết minh																																																																																				
							trình xây dựng được áp dụng theo địa giới hành chính trước đây.																																																																																				
Điều 2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ 1. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này được xác định theo công thức như sau: Tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà = $\frac{\text{Chất lượng nhà mới xây dựng (100\%)}}{\text{Thời gian đã sử dụng (năm)}} \times \text{Tỷ lệ hao mòn}$ <i>Trong đó:</i> a) Chất lượng nhà mới xây dựng: Chất lượng 100%. b) Thời gian đã sử dụng để tính tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà (tính thời gian bằng tháng trong năm): Được tính từ thời điểm xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng)			Điều 4. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ 1. Kê khai lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm: 100%. 2. Kê khai nộp lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà chịu lệ phí trước bạ có thời gian đã sử dụng từ 5 năm trở lên và Kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo hướng dẫn như sau: <table><tr><th>Thời gian đã sử dụng</th><th>Nhà biệt thự (%)</th><th>Nhà cấp I (%)</th><th>Nhà cấp II (%)</th><th>Nhà cấp III (%)</th><th>Nhà cấp IV (%)</th></tr><tr><td>Dưới 5 năm</td><td>97</td><td>98</td><td>97</td><td>95</td><td>85</td></tr><tr><td>Từ 5 đến 10 năm</td><td>93</td><td>95</td><td>93</td><td>85</td><td>65</td></tr><tr><td>Trên 10 năm đến 20 năm</td><td>80</td><td>85</td><td>80</td><td>70</td><td>35</td></tr><tr><td>Trên 20 năm đến 50 năm</td><td>60</td><td>80</td><td>60</td><td>35</td><td>30</td></tr><tr><td>Trên 50 năm đến 100 năm</td><td>50</td><td>55</td><td>50</td><td>30</td><td>20</td></tr><tr><td>Trên 100 năm</td><td>30</td><td>35</td><td>30</td><td>20</td><td>-</td></tr></table>			Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)	Dưới 5 năm	97	98	97	95	85	Từ 5 đến 10 năm	93	95	93	85	65	Trên 10 năm đến 20 năm	80	85	80	70	35	Trên 20 năm đến 50 năm	60	80	60	35	30	Trên 50 năm đến 100 năm	50	55	50	30	20	Trên 100 năm	30	35	30	20	-	Điều 4. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ 1. Kê khai lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà có thời gian đã sử dụng dưới 5 năm: 100%. 2. Kê khai nộp lệ phí trước bạ lần đầu đối với nhà chịu lệ phí trước bạ có thời gian đã sử dụng từ 5 năm trở lên và Kê khai lệ phí trước bạ từ lần thứ 2 trở đi thì áp dụng tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà có thời gian đã sử dụng tương ứng theo hướng dẫn như sau: <table><tr><th>Thời gian đã sử dụng</th><th>Nhà biệt thự (%)</th><th>Nhà cấp I (%)</th><th>Nhà cấp II (%)</th><th>Nhà cấp III (%)</th><th>Nhà cấp IV (%)</th></tr><tr><td>Dưới 5 năm</td><td>97</td><td>98</td><td>97</td><td>95</td><td>85</td></tr><tr><td>Từ 5 đến 10 năm</td><td>93</td><td>95</td><td>93</td><td>85</td><td>65</td></tr><tr><td>Trên 10 năm đến 20 năm</td><td>80</td><td>85</td><td>80</td><td>70</td><td>35</td></tr><tr><td>Trên 20 năm đến 50 năm</td><td>60</td><td>80</td><td>60</td><td>35</td><td>30</td></tr><tr><td>Trên 50 năm đến 100 năm</td><td>50</td><td>55</td><td>50</td><td>30</td><td>20</td></tr><tr><td>Trên 100 năm</td><td>30</td><td>35</td><td>30</td><td>20</td><td>-</td></tr></table>	Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)	Dưới 5 năm	97	98	97	95	85	Từ 5 đến 10 năm	93	95	93	85	65	Trên 10 năm đến 20 năm	80	85	80	70	35	Trên 20 năm đến 50 năm	60	80	60	35	30	Trên 50 năm đến 100 năm	50	55	50	30	20	Trên 100 năm	30	35	30	20	-	Tỉnh Đắk Lắk đang quy định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ theo năm, tỉnh Phú Yên đang quy định theo khoảng thời gian. Trên thực tế, “nhà, công trình xây dựng trên đất” là những tài sản sử dụng lâu dài, hao mòn giữa các năm thường không quá biến động. Trường hợp thực hiện quy đổi quy định tỷ lệ phần (%) chất lượng còn lại của nhà theo quy định của tỉnh Đắk Lắk sang khoảng thời gian (5 năm, 10 năm, 50 năm) tương
Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)																																																																																						
Dưới 5 năm	97	98	97	95	85																																																																																						
Từ 5 đến 10 năm	93	95	93	85	65																																																																																						
Trên 10 năm đến 20 năm	80	85	80	70	35																																																																																						
Trên 20 năm đến 50 năm	60	80	60	35	30																																																																																						
Trên 50 năm đến 100 năm	50	55	50	30	20																																																																																						
Trên 100 năm	30	35	30	20	-																																																																																						
Thời gian đã sử dụng	Nhà biệt thự (%)	Nhà cấp I (%)	Nhà cấp II (%)	Nhà cấp III (%)	Nhà cấp IV (%)																																																																																						
Dưới 5 năm	97	98	97	95	85																																																																																						
Từ 5 đến 10 năm	93	95	93	85	65																																																																																						
Trên 10 năm đến 20 năm	80	85	80	70	35																																																																																						
Trên 20 năm đến 50 năm	60	80	60	35	30																																																																																						
Trên 50 năm đến 100 năm	50	55	50	30	20																																																																																						
Trên 100 năm	30	35	30	20	-																																																																																						

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ															
Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)	Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)	Dự thảo Quyết định	Thuyết minh												
đến thời điểm kê khai, nộp lệ phí trước bạ đối với nhà; trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được thời điểm xây dựng nhà thì lấy theo thời điểm mua nhà, hoặc thời điểm nhận nhà, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Trường hợp thời gian bắt đầu hoặc thời gian kết thúc không đủ số ngày của một (01) tháng thì xác định như sau: Nếu số ngày từ 15 ngày trở lên đến đủ tháng (≥ 15 ngày) thì tính tròn 01 tháng; Nếu số ngày dưới 15 ngày (< 15 ngày) thì không tính. c) Tỷ lệ hao mòn (%/năm) của từng loại nhà: <table><tr><th>Loại nhà</th><th>Tỷ lệ hao mòn (%/năm)</th></tr><tr><td>Nhà biệt thự</td><td>1,25</td></tr><tr><td>Nhà cấp I</td><td>1,25</td></tr><tr><td>Nhà cấp II</td><td>2,0</td></tr><tr><td>Nhà cấp III</td><td>4,0</td></tr><tr><td>Nhà cấp IV</td><td>6,67</td></tr></table> d) Phân loại nhà: Thực hiện theo quy định của Bộ Xây dựng về phân cấp công trình xây dựng.	Loại nhà	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)	Nhà biệt thự	1,25	Nhà cấp I	1,25	Nhà cấp II	2,0	Nhà cấp III	4,0	Nhà cấp IV	6,67	3. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì theo năm mua nhà hoặc nhận nhà.	3. Thời gian đã sử dụng của nhà được tính từ thời điểm (năm) xây dựng hoàn thành bàn giao nhà (hoặc đưa vào sử dụng) đến năm kê khai, nộp lệ phí trước bạ nhà đó. Trường hợp hồ sơ không đủ căn cứ xác định được năm xây dựng nhà thì theo năm mua nhà hoặc nhận nhà, thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.	ứng thì mức tỷ lệ còn lại thực hiện thu lệ phí thấp hơn so với tỉnh Phú Yên. Đồng thời, quy định của tỉnh Phú Yên trước đây cũng kế thừa từ quy định cách tính chất lượng còn lại tài sản để tính lệ phí trước bạ tại Thông tư số 68/2010/TT-BTC ngày 26/4/2010 của Bộ Tài chính (đã được thay thế bởi Thông tư số 124/2011/TT-BTC). Từ thời điểm ngày 15/10/2011, Bộ Tài chính không còn quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà, thẩm quyền này được giao cho UBND tỉnh và được áp dụng đến hiện nay. Ngoài ra, qua tham
Loại nhà	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)														
Nhà biệt thự	1,25														
Nhà cấp I	1,25														
Nhà cấp II	2,0														
Nhà cấp III	4,0														
Nhà cấp IV	6,67														

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)	Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)		
2. Trường hợp kết quả xác định tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà theo quy định tại khoản 1 Điều này nhỏ hơn (<) 30% thì không tính.			khảo một số tỉnh lân cận (như Khánh Hòa, Gia Lai, Quảng Ngãi, Thừa Thiên Huế...) thì cũng quy định tỷ lệ % theo khoảng thời gian. Do đó, để thuận tiện trong quá trình thực hiện, đề xuất xây dựng nội dung này trên cơ sở nội dung quy định của tỉnh Phú Yên (cũ) cho phù hợp.
Điều 3. Tổ chức thực hiện 1. Giao Cục Thuế tỉnh hướng dẫn việc kê khai và tổ chức thu, nộp lệ phí trước bạ theo đúng các quy định của nhà nước và của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý. 2. Giao Sở Tài chính hướng dẫn, theo dõi các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện các quy định tại Quyết định này; phối hợp với Sở Xây dựng, Cục Thuế tỉnh và các đơn vị có liên quan tổng hợp	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Xây dựng, Cơ quan thuế của địa phương và các đơn vị có liên quan tổng hợp các vướng mắc, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định. 2. Sở Xây dựng có ý kiến hướng dẫn chuyên môn về xây dựng khi được Cơ quan thuế của địa phương lấy ý kiến về	Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Xây dựng, Cơ quan thuế của địa phương và các đơn vị có liên quan tổng hợp các vướng mắc, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định. 2. Sở Xây dựng có ý kiến hướng dẫn chuyên môn về xây dựng khi được Cơ	Nội dung này kế thừa theo quy định của 02 tỉnh để hoàn chỉnh quy định tại dự thảo.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ		Dự thảo Quyết định	Thuyết minh
Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ)	Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (cũ)		
các vướng mắc, đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.	xác định cấp nhà, hạng nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà. 3. Cơ quan thuế của địa phương hướng dẫn kê khai, xác định và thu lệ phí trước bạ theo quy định của nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh. 4. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phát sinh chưa có trong Bảng giá nhà theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND và các khó khăn vướng mắc khác, Cục Thuế có trách nhiệm chủ trì, tổng hợp phát sinh, vướng mắc; phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan để đề xuất biện pháp giải quyết; gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.	quan thuế của địa phương lấy ý kiến về xác định cấp nhà, hạng nhà để tính lệ phí trước bạ đối với nhà. 3. Cơ quan thuế của địa phương hướng dẫn kê khai, xác định và thu lệ phí trước bạ theo quy định của nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh. 4. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phát sinh chưa có trong Bảng giá nhà theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) và các khó khăn vướng mắc khác, Thuế tỉnh có trách nhiệm chủ trì, tổng hợp phát sinh, vướng mắc; phối hợp với Sở Xây dựng, các cơ quan liên quan để đề xuất biện pháp giải quyết; gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung theo quy định.	